

để nuôi trồng thủy sản khi mặt nước biển đã giao, cho thuê bị thu hồi hoặc tự nguyện trả lại.

**1. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi hoặc tự nguyện trả lại diện tích mặt nước biển nuôi trồng thủy sản quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 29 Luật Thủy sản phải tự chịu trách nhiệm tháo dỡ, di chuyển tài sản đã đầu tư trên mặt nước biển đó. Trường hợp thời hạn thuê chưa hết thì được Nhà nước trả lại số tiền thuê của thời gian còn lại (nếu đã trả trước).**

**2. Đối với trường hợp thu hồi diện tích mặt nước biển quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29 Luật Thủy sản được quy định như sau:**

- a) Được Nhà nước trả lại tiền thuê của thời gian còn lại (nếu đã trả trước);
- b) Được Nhà nước hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản đã đầu tư trên mặt nước biển và thủy sản nuôi trồng (nếu có);
- c) Được bồi thường thiệt hại về thủy sản (nếu có);
- d) Được ưu tiên giao, cho thuê mặt nước biển khác để nuôi trồng thủy sản nếu có nhu cầu và địa phương còn quỹ mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản.

**Điều 15. Chợ thủy sản đầu mối**

1. Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm: sàn giao dịch, hệ thống đường, điện, cấp nước, thoát nước trong chợ thủy sản đầu mối.

2. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân, tham gia xây dựng, kinh doanh khai thác và quản lý chợ thủy sản đầu mối.

**Điều 16. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 17. Trách nhiệm thi hành**

Bộ trưởng Bộ Thủy sản, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

*Thủ tướng*

**Phan Văn Khải**

**NGHỊ ĐỊNH số 28/2005/NĐ-CP**  
**ngày 09/3/2005 của Chính phủ**  
**về tổ chức và hoạt động của**  
**tổ chức tài chính quy mô nhỏ**  
**tại Việt Nam.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 17 tháng 6 năm 2003;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Các tổ chức tín dụng ngày 15 tháng 6 năm 2004;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,*

## NGHỊ ĐỊNH:

### Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam.

2. Đối tượng thành lập tổ chức tài chính quy mô nhỏ:

Các tổ chức được phép thành lập tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp của Việt Nam, Quỹ từ thiện và Quỹ xã hội;

b) Tổ chức phi chính phủ Việt Nam;

3. Các cá nhân và tổ chức khác trong nước và nước ngoài có thể tham gia góp vốn với các tổ chức thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

## Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài chính quy mô nhỏ:* là hoạt động cung cấp một số dịch vụ tài chính, ngân hàng nhỏ, đơn giản cho các hộ gia đình, cá nhân có thu nhập thấp, đặc biệt là hộ gia đình nghèo và người nghèo.

2. *Tổ chức tài chính quy mô nhỏ:* là tổ chức tài chính hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, với chức năng chủ yếu là sử dụng vốn tự có, vốn vay và nhận tiết kiệm để cung cấp một số dịch vụ tài chính, ngân hàng nhỏ, đơn giản cho các hộ gia đình, cá nhân có thu nhập thấp.

3. *Dịch vụ tài chính, ngân hàng nhỏ, đơn giản gồm:* tín dụng quy mô nhỏ, nhận tiền gửi tiết kiệm bắt buộc, tiết kiệm tự nguyện; đại lý chuyển tiền; đại lý bảo hiểm, thu hộ, chi hộ cho các hộ gia đình, cá nhân có thu nhập thấp.

4. *Tín dụng quy mô nhỏ:* là khoản cho vay có giá trị nhỏ, có hoặc không có tài sản bảo đảm đối với các hộ gia đình, cá nhân có thu nhập thấp để sử dụng vào các hoạt động tạo thu nhập và cải thiện điều kiện sống.

5. *Hộ gia đình, cá nhân có thu nhập thấp hoặc nghèo:* được quy định theo

từng vùng, khu vực tại Việt Nam hoặc theo tiêu chuẩn do tổ chức tài chính quy mô nhỏ quy định.

**6. Tiết kiệm bắt buộc:** là tiền gửi tiết kiệm của hộ gia đình, cá nhân gửi tại tổ chức tài chính quy mô nhỏ để bảo đảm tiền vay đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

**7. Tiết kiệm tự nguyện:** là tiền tiết kiệm của cá nhân gửi tại tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

**8. Vốn pháp định:** là mức vốn điều lệ tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

**9. Vốn điều lệ:** là mức vốn do các bên góp vốn để thành lập tổ chức tài chính quy mô nhỏ. Mức vốn này được ghi vào Điều lệ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

**10. Vốn tự có:** là vốn điều lệ và lợi nhuận để lại tích lũy.

**11. Giấy phép:** là Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp.

### **Điều 3. Vốn pháp định:**

1. Đối với các tổ chức tài chính quy mô nhỏ không được phép nhận tiết kiệm tự nguyện: 500 triệu VND;

2. Đối với các tổ chức tài chính quy mô nhỏ được phép nhận tiết kiệm tự nguyện: 05 tỷ VND.

### **Điều 4. Thời gian hoạt động:**

1. Thời gian hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tối đa 50 năm.

2. Trường hợp tổ chức tài chính quy mô nhỏ muốn gia hạn thời gian hoạt động thì thời gian gia hạn mỗi lần không quá thời hạn của Giấy phép lần đầu.

### **Điều 5. Địa bàn hoạt động**

1. Địa bàn hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ được giới hạn trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và được quy định tại Giấy phép.

2. Trường hợp tổ chức tài chính quy mô nhỏ muốn mở rộng địa bàn hoạt động ra ngoài địa bàn đã được quy định tại Giấy phép, tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải thành lập chi nhánh tại khu vực đó. Việc mở chi nhánh phải đáp ứng yêu cầu về mức tăng vốn điều lệ tương ứng với phạm vi mở rộng và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

### **Điều 6. Nguyên tắc hoạt động và quản lý tài chính**

Tổ chức tài chính quy mô nhỏ là một pháp nhân, có vốn điều lệ, tài sản, con dấu riêng, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ tài chính, tự tạo vốn, tự trang trải các chi phí cho hoạt động của mình và tự chịu trách nhiệm bằng vốn và tài sản của mình.

### **Điều 7. Chính sách Nhà nước**

Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức tài chính

quy mô nhỏ, bảo đảm quyền bình đẳng và các quyền khác theo quy định của pháp luật của tổ chức tài chính quy mô nhỏ trong hoạt động; ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách khuyến khích phát triển tổ chức tài chính quy mô nhỏ. Nhà nước tôn trọng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ, không can thiệp vào việc quản lý và hoạt động hợp pháp của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

## Chương II

### CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CHO CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUY MÔ NHỎ

**Điều 8.** Điều kiện để được cấp Giấy phép

1. Có nhu cầu về hoạt động tài chính quy mô nhỏ.
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến về sự cần thiết thành lập tổ chức tài chính quy mô nhỏ trên địa bàn.
3. Có đủ vốn điều lệ theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.
4. Trụ sở làm việc và cơ sở vật chất phù hợp với hoạt động tài chính quy mô nhỏ dự kiến thực hiện.
5. Có người quản trị, kiểm soát và điều hành theo quy định tại Chương III Nghị định này.

6. Có phương án kinh doanh khả thi.

7. Đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ nhận tiết kiệm tự nguyện, ngoài quy định nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đã được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép;
- b) Đã có hoạt động nhận tiết kiệm bắt buộc trong 03 năm gần nhất;
- c) Bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động hiệu quả;
- d) Hoạt động lành mạnh trong 03 năm gần nhất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- đ) Hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý;
- e) Đáp ứng được các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật.

**Điều 9.** Hồ sơ cấp Giấy phép

Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép gồm:

1. Đơn đề nghị được cấp Giấy phép, trong đó nêu rõ các nội dung hoạt động và địa bàn hoạt động dự kiến.
2. Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về sự cần thiết thành lập tổ chức tài chính quy mô nhỏ trên địa bàn.
3. Dự thảo điều lệ.
4. Phương án hoạt động của tổ chức tài

chính quy mô nhỏ, trong đó nêu rõ hiệu quả và lợi ích kinh tế.

5. Danh sách, lý lịch, văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

6. Giấy tờ chứng thực mức vốn điều lệ; danh sách và địa chỉ của các tổ chức, cá nhân góp vốn; tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ; tình hình tài chính và các thông tin có liên quan đến tổ chức và cá nhân góp vốn.

7. Đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ nhận tiết kiệm tự nguyện, phải gửi báo cáo kiểm toán 03 năm tài chính gần nhất.

#### **Điều 10.** Lệ phí cấp Giấy phép

Tổ chức tài chính quy mô nhỏ được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép phải nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

#### **Điều 11.** Thủ tục cấp và sử dụng Giấy phép

1. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 9 Nghị định này, Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép cho tổ chức tài chính quy mô nhỏ. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời nêu rõ lý do từ chối.

2. Giấy phép của tổ chức tài chính quy mô nhỏ do Ngân hàng Nhà nước cấp, trong đó quy định cụ thể thời gian hoạt động, địa bàn hoạt động và các hoạt động

tổ chức tài chính quy mô nhỏ được phép thực hiện.

3. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ được cấp Giấy phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động đúng nội dung quy định trong Giấy phép. Giấy phép không được làm giả, tẩy xóa, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn dưới bất kỳ hình thức nào.

#### **Điều 12.** Khai trương hoạt động

1. Để khai trương hoạt động, tổ chức tài chính quy mô nhỏ được cấp Giấy phép phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có điều lệ được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y;

b) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; có đủ vốn pháp định;

c) Phần vốn pháp định góp bằng tiền phải được gửi vào tài khoản phong tỏa mở tại Ngân hàng Nhà nước trước khi hoạt động tối thiểu 30 ngày. Số vốn này chỉ được giải tỏa sau khi tổ chức tài chính quy mô nhỏ khai trương hoạt động; quy định này không áp dụng đối với các tổ chức tài chính quy mô nhỏ đã có hoạt động trước khi Nghị định này có hiệu lực;

d) Có văn bản pháp lý về quyền sở hữu hoặc quyền được phép sử dụng trụ sở chính của tổ chức tài chính quy mô nhỏ;

đ) Đăng báo địa phương theo quy định của pháp luật về những nội dung trong Giấy phép. Quy định này không áp dụng đối với các tổ chức tài chính quy mô nhỏ không nhận tiết kiệm tự nguyện.

2. Tối thiểu 30 ngày trước ngày khai trương, tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc khai trương hoạt động.

3. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép, nếu tổ chức tài chính quy mô nhỏ không khai trương hoạt động thì Giấy phép được cấp sẽ đương nhiên hết hiệu lực.

### **Điều 13.** Gia hạn và thu hồi Giấy phép

#### 1. Gia hạn Giấy phép

a) Hồ sơ xin gia hạn Giấy phép của tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải nộp Ngân hàng Nhà nước ít nhất 02 tháng trước ngày hết hạn của Giấy phép. Hồ sơ xin gia hạn gồm:

- Đơn xin gia hạn;
- Báo cáo hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ trong 03 năm liên tục gần nhất.

b) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ xin gia hạn, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét ban hành quyết định cho phép gia hạn Giấy phép đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ hoặc từ chối việc gia hạn. Trường hợp từ chối gia hạn, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối.

2. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ bị thu hồi Giấy phép trong những trường hợp sau:

a) Có chứng cứ là trong hồ sơ đề nghị cấp phép có những thông tin cố ý làm sai sự thật;

b) Không khai trương hoạt động sau 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép;

c) Tự nguyện hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc phải giải thể;

d) Chia tách, sáp nhập, hợp nhất, phá sản;

đ) Nhận tiết kiệm tự nguyện khi chưa được Ngân hàng Nhà nước cho phép;

e) Hoạt động sai mục đích ghi trong điều lệ.

### **Điều 14.** Hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể

Trong trường hợp cần hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải gửi đơn và hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn 30 ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời tổ chức tài chính quy mô nhỏ. Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời phải nêu rõ lý do từ chối.

Hồ sơ và thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể của tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

### **Điều 15.** Phá sản và thanh lý

Quy trình phá sản và thanh lý của tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, pháp luật về phá sản.

*Chương III*

**TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT,  
ĐIỀU HÀNH CỦA TỔ CHỨC TÀI  
CHÍNH QUY MÔ NHỎ**

**Điều 16.** Cơ cấu tổ chức tài chính quy mô nhỏ

1. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ có Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc).

2. Hội đồng quản trị tổ chức tài chính quy mô nhỏ không nhận tiết kiệm tự nguyện có số lượng thành viên tối thiểu là 03 người; Ban Kiểm soát tối thiểu là 01 người.

3. Hội đồng quản trị tổ chức tài chính quy mô nhỏ nhận tiết kiệm tự nguyện có số lượng thành viên tối thiểu là 03 người; Ban Kiểm soát là 03 người.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quy định.

5. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 17.** Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát

1. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ quản trị tổ chức tài chính quy mô nhỏ theo quy định của pháp luật; quyết định chủ trương, phương hướng hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác được quy định tại điều lệ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

2. Ban Điều hành gồm Tổng giám đốc (Giám đốc) và các Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) thay mặt Hội đồng quản trị để quản lý và điều hành tổ chức tài chính quy mô nhỏ. Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính quy mô nhỏ là đại diện pháp nhân của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

3. Ban Kiểm soát thay mặt Hội đồng quản trị kiểm soát hoạt động tài chính của tổ chức tài chính quy mô nhỏ và hoạt động điều hành của Tổng giám đốc (Giám đốc) thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại điều lệ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

**Điều 18.** Những người không được là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc)

1. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Đã bị kết án về các tội nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, các tội nghiêm trọng xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa, sở hữu của công dân; các tội nghiêm trọng về kinh tế.

3. Đã bị kết án về các tội phạm khác mà chưa được xóa án.

4. Đã từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của một công ty đã bị phá sản, trừ các trường hợp theo quy định của pháp luật về phá sản.

5. Đã từng là đại diện theo pháp luật của một công ty bị đình chỉ hoạt động do vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

6. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

**Điều 19.** Mở và chấm dứt hoạt động của chi nhánh

1. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ được mở chi nhánh tại các địa bàn trong nước nơi có nhu cầu hoạt động. Việc mở và chấm dứt hoạt động của chi nhánh phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

2. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục mở và chấm dứt hoạt động của chi nhánh tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 20.** Góp vốn và chuyển nhượng vốn góp

1. Các tổ chức và cá nhân góp vốn vào tổ chức tài chính quy mô nhỏ trên cơ sở hợp đồng góp vốn.

2. Việc góp vốn và chuyển nhượng vốn góp được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

## Chương IV

### QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG

**Điều 21.** Quy định về hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ

1. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thực hiện một số hoặc toàn bộ nội dung hoạt động quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Nghị định này.

2. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể nội dung hoạt động trong Giấy phép của tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

**Điều 22.** Huy động vốn

Tổ chức tài chính quy mô nhỏ được huy động vốn từ các nguồn sau:

1. Nhận tiết kiệm:

a) Tiết kiệm bắt buộc;

b) Tiết kiệm tự nguyện.

2. Vay vốn:

a) Vay vốn của tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam;

b) Vay vốn của các cá nhân và tổ chức nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

3. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ được tiếp nhận vốn ủy thác theo các chương trình, dự án của Chính phủ, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

**Điều 23.** Hoạt động tín dụng



1. Cho vay.
2. Cho vay bằng nguồn vốn ủy thác.

**Điều 24.** Hoạt động khác

Tổ chức tài chính quy mô nhỏ được quyền làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, bảo hiểm.

**Điều 25.** Mở tài khoản

Tổ chức tài chính quy mô nhỏ được mở tài khoản và gửi tiền tại Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác.

**Điều 26.** Hoạt động thanh toán

Tổ chức tài chính quy mô nhỏ được phép cung ứng một số dịch vụ thanh toán hạn chế theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 27.** Hạn chế về hoạt động tín dụng và huy động tiết kiệm

1. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải tuân thủ các quy định sau về hạn chế tín dụng, tiết kiệm:

- a) Giá trị tối đa của một khoản tín dụng quy mô nhỏ;
- b) Dư nợ cho vay tối đa đối với một khách hàng;
- c) Các hạn chế về tiền gửi tiết kiệm;
- d) Số dư tiền gửi tiết kiệm tối đa của một khách hàng.

2. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể các quy định hạn chế về tín dụng, tiết kiệm phù hợp với từng loại hình tổ chức tài chính quy mô nhỏ.

3. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ nhận tiết kiệm tự nguyện phải tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.

**Điều 28.** Những thay đổi phải được chấp thuận

1. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi một trong những điểm sau đây:

- a) Tên gọi của tổ chức tài chính quy mô nhỏ;
- b) Mức vốn điều lệ;
- c) Địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh;
- d) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;
- đ) Thay đổi liên quan đến vốn góp và người góp vốn;
- e) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn hồ sơ và thủ tục thay đổi trong các trường hợp trên.

3. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải thông báo với cơ quan nhà nước

có thẩm quyền về những thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này.

### Chương V

## TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN VÀ BÁO CÁO

### Điều 29. Tài chính

1. Năm tài chính của tổ chức tài chính quy mô nhỏ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch

2. Thu, chi tài chính của tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

### Điều 30. Hạch toán

Tổ chức tài chính quy mô nhỏ thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và các quy định theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

### Điều 31. Trích lập và sử dụng các quỹ

Việc trích lập, duy trì và sử dụng các quỹ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

### Điều 32. Chế độ báo cáo

Tổ chức tài chính quy mô nhỏ thực hiện chế độ báo cáo và thống kê theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính.

### Chương VI

## THANH TRA, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ

### Điều 33. Thanh tra

1. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ phải chịu sự thanh tra của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

### Điều 34. Kiểm soát đặc biệt, phá sản, giải thể và thanh lý

Việc kiểm soát đặc biệt, phá sản, giải thể và thanh lý đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

### Điều 35. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Việc khen thưởng và xử lý vi phạm của tổ chức tài chính quy mô nhỏ được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

### Chương VII

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 36. Điều khoản miễn trừ

1. Miễn áp dụng điều kiện quy định tại

điểm a khoản 7 Điều 8 Nghị định này khi xem xét cấp Giấy phép cho các tổ chức đang có hoạt động tài chính quy mô nhỏ trước khi Nghị định này có hiệu lực.

2. Điều khoản miễn trừ này chỉ có hiệu lực áp dụng trong 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

### **Điều 37.** Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày được đăng Công báo và thay thế các quy định trước đây trái với Nghị định này.

2. Trong thời gian 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các tổ chức đang thực hiện hoạt động tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam phải tiến hành các thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép theo các quy định tại Nghị định này hoặc chấm dứt hoạt động tài chính quy mô nhỏ.

### **Điều 38.** Trách nhiệm thi hành

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

*Thủ tướng*

**Phan Văn Khải**

## **CÁC BỘ**

### **BỘ CÔNG NGHIỆP**

**QUYẾT ĐỊNH số 09/2005/QĐ-BCN**  
ngày 04/3/2005 của Bộ trưởng  
Bộ Công nghiệp về việc chuyển  
Tổng công ty Giấy Việt Nam  
sang hoạt động theo mô hình  
Công ty mẹ - Công ty con.

### **BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP**

*Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 153/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về tổ chức, quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2005/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Tổng công ty Giấy Việt Nam sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con;*

*Xét đề nghị của Hội đồng quản trị Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Công văn số 168/CV-HĐQT ngày 28 tháng 02 năm 2005 về việc chuyển Tổng công ty Giấy*